

HIỆN TƯỢNG DỰ BÁO THÔNG QUA LÊN ĐỒNG TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

TRẦN THỊ THANH NHỊ

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Để đoán trước tương lai vận số, con người có rất nhiều cách thức để tiến hành, trong đó tiếp xúc với thế giới siêu nhiên thông qua lên đồng là một trong những biện pháp tiêu biểu. Điều này không chỉ được thể hiện trong đời sống hiện thực mà còn đi vào tác phẩm văn học như một biện pháp nghệ thuật độc đáo gắn với kỹ thuật phục bút để báo trước số phận nhân vật. Cũng thông qua phương thức dự báo lên đồng các nhà văn trung đại phản ánh đời sống văn hoá, đời sống hiện thực đương thời cũng như truyền tải quan niệm đạo đức nhân sinh: đề cao đạo đức, khuyến thiện trừng ác và thể hiện nhận thức về mối tương tác, cảm ứng giữa con người với trời đất, quỷ thần, vũ trụ.

Từ khoá: dự báo, thuật đồng cốt (mediumship), giảng bút

1. DỰ BÁO VÀ LÊN ĐỒNG

Dự báo (dự đoán) là *“một loại tiên tri trong đó thông tin về các sự kiện vị lai thu thập được thông qua người có khả năng tâm linh, thánh thần truyền linh hứng, đọc biết các biểu tượng, hay sự thay đổi ý thức. Trong khi lời tiên tri mang tầm vóc lớn liên quan đến nhiều người hay dân tộc, thì sự dự đoán chỉ liên quan đến cá nhân... Sự dự đoán dựa trên nhận biết trước, hay hiểu biết vị lai trực tiếp. hiểu biết này được tìm kiếm thông qua nhiều cách: trực giác, giấc mơ hay nhãn giới có được qua bói cầu, hoặc thông qua việc đọc các biểu tượng chẳng hạn như trong chiêm tinh, cỗ bài Tarot, xem chỉ tay, số khoa học, và các phương pháp bói toán khác”* [3, tr. 680, 681]. Dự báo là một khoa học và nghệ thuật tiên đoán những sự việc sẽ xảy ra trong tương lai, trên cơ sở phân tích khoa học về các dữ liệu đã thu thập được. Khi tiến hành dự báo cần căn cứ vào việc thu thập, xử lý số liệu trong quá khứ và hiện tại để xác định xu hướng vận động của các hiện tượng trong tương lai nhờ vào một số mô hình toán học (Định lượng). Tuy nhiên, dự báo cũng có thể là một dự đoán chủ quan hoặc trực giác về tương lai (Định tính) và để dự báo định tính được chính xác hơn, người ta cố loại trừ những tính chủ quan của người dự báo. Thuật ngữ *dự báo* có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp "Pro" (nghĩa là trước) và "gnosis" (có nghĩa là biết), "prognosis" nghĩa là biết trước. Dự báo là sự tiên đoán có căn cứ khoa học, mang tính chất xác suất về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát triển của đối tượng nghiên cứu hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu nhất định đã đề ra trong tương lai. Như vậy, dự báo là sự tiên đoán, bàn về tương lai, nói về tương lai. Dự báo trước hết là một thuộc tính không thể thiếu của tư duy của con người, con người luôn luôn nghĩ đến ngày mai, hướng về

tương lai. Hiện có vô số biện pháp tiên đoán, các nhà tiên đoán sử dụng phương pháp được nền văn hoá của mình tán thành. Theo những tài liệu chúng tôi có điều kiện tham khảo (xin xem *Tài liệu Từ điển tôn giáo và các thể nghiệm siêu việt* và *Phong thủy - Vũ trụ quan của người Trung Quốc về môi trường sống* đã dẫn ở tài liệu tham khảo) thì có rất nhiều cách chia, mỗi cách chia đều có những ưu và nhược điểm riêng. Phần lớn mỗi cách chia đều cố gắng bao quát các phương thức thuộc về nền văn hoá của mình nên chưa có sức bao quát chung. Dựa trên các cách chia cũ, chúng tôi tổng hợp, khái quát lại và đưa ra cách phân nhóm như sau: Nhóm 1: Dự báo thông qua linh cảm và năng lực tiên tri (tự có); Nhóm 2: Dự báo thông qua sự tiếp xúc với thế giới siêu nhiên (chủ động và bị động) (tiếp xúc với ngoại giới): hiện tượng sấm truyền, lên đồng, thánh ộp đồng, ma nhập...; Nhóm 3: Dự báo thông qua xem, phân tích các sự vật, hiện tượng tự nhiên, nhân tạo: thuật xem tướng, xem chỉ tay thuật xem phong thủy, thuật xem điềm triệu, thuật đoán mộng, thuật chiêm tinh, thuật xem bói mai rùa, thuật xem bói cỏ thi (bói dịch), thuật xem bói tiêm thơ, thuật bói chữ, thuật xem bói (nội tạng) động vật, thuật xem bói lá trầu, thuật xem bói cầu (gương), bàn cầu cơ, thuật xem bói bài Tarot, thuật xem bói. Ở đây, đối tượng chúng tôi quan tâm là hiện tượng dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên, mà cụ thể hơn là hiện tượng thánh nhập lên đồng, ộp đồng.

Về khái niệm *Thuật đồng cốt* (mediumship) được xem là sự giao tiếp trong trạng thái xuất thân với các thực thể được cho là phi thực thể (hồn), đôi khi đi kèm với hiện tượng tự nhiên kỳ bí: “Thuật đồng cốt là một thông lệ xa xưa, phổ biến, được tiến hành để giao tiếp với thần thánh, đáng tiên tri, hồn ma người chết, thực hiện nhiều kì công siêu việt và truyền năng lượng phổ biến đời sống để chữa bệnh. Thuật đồng cốt được biết đến bằng nhiều tên gọi khác nhau như sấm truyền, thầy bói, pháp sư, nữ phù thủy, nữ pháp sư, thầy pháp, người chữa bệnh nam, thầy phù thủy, người tương đoán vị lai, đáng tiên tri và người truyền đạt. Thuật đồng cốt gồm hai nhóm chính: tinh thần và thể xác. Trong thuật đồng cốt tinh thần, đồng cốt giao tiếp thông qua nhãn giới nội tâm, nghe rõ, nói tự động và viết tự động. Thuật đồng cốt thể xác mang đặc điểm lời nói nhanh, thân xác bay bổng, hay làm đồ vật di chuyển và những hiện tượng siêu việt khác” [3, tr.525]. Ở Việt Nam, thuật đồng cốt thường xuất hiện trong các nghi lễ của tín ngưỡng thờ Mẫu.

2. DỰ BÁO THÔNG QUA LÊN ĐỒNG

So với các phương thức dự báo khác trong văn xuôi tự sự trung đại thì hiện tượng lên đồng, ộp đồng, thánh nhập, ma nhập (và những vấn đề xung quanh nó) chiếm không nhiều về số lượng nhưng hàm lượng thông tin mang đến khá dồi dào, thú vị đáng quan tâm.

Dự báo qua lên đồng giáng bút – những giá trị nhân sinh

Có thể kể đến đầu tiên là hiện tượng giải đáp hiện trạng, dự báo tương lai thông qua *lên đồng giáng bút*. Giáng bút là một hiện tượng saman giáo¹ trong văn hóa Việt có từ hàng

¹ **Saman giáo** là một hình thức tôn giáo cổ xưa thông qua những người môi giới để giao tiếp với thần linh, qua đó nhờ thần linh giúp đỡ những điều mình mong muốn. Saman giáo có nhiều yếu tố giống ma

trăm năm trước, đó là những vãn thơ của các vị tiên, thánh. Theo Nguyễn Xuân Diện, giáng bút là hiện tượng “nhập thần” trong đó thực hiện nghi lễ cầu cúng để mong muốn có sự phán truyền dạy dỗ của thần linh thông qua vãn tự (Hán Nôm) [4]. Trong các nghi lễ của người Việt thời trước, có một không gian nghi lễ khá đặc biệt rất đáng để ý là Thiện đàn. Ở đây diễn ra một hình thức sinh hoạt văn hóa tâm linh độc đáo là giáng bút – một hiện tượng văn hóa tâm linh có thực trong xã hội Việt Nam, khi mọi người cầu Thánh – Thần – Tiên – Phật ban cho mình những bài thơ, thông qua một người có năng lực đặc biệt. Suốt nửa cuối thế kỷ 19, đã có nhiều Thiện đàn được mở ra ở hầu khắp các tỉnh ở Bắc Bộ: Hà Nội, Nam Định, Hà Đông, Sơn Tây, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Thái Nguyên, Hải Phòng, Ninh Bình, Hưng Yên, Phúc Yên... Hoạt động giáng bút tại các Thiện đàn nhằm thức tỉnh lòng yêu nước, chấn hưng văn hóa dân tộc và đạo làm người của toàn xã hội. Cách diễn ra của giáng bút được coi là sự nhập thần của tiên thánh vào người cầu cúng, ra lời chỉ bảo bằng thơ vãn. Họ nhập đồng sau lời cầu xin và thông qua họ, tiên thánh ra chữ lên mặt chiếc mâm đồng rải gạo; có người thạo chữ nghĩa ngồi nhìn hình được vẽ đoán chữ rồi ghi thành vãn tự. Lời vãn thơ trong giáng bút thường khoáng hoạt, đôi lúc ẩn ý, người đọc phải đoán định về ý tứ điềm báo của thần thánh qua từng câu chữ. Thường giáng bút của thần tiên phần nhiều là nhắc bảo và răn dạy người, cùng thông báo niềm vui và cảnh báo về kiếp nạn. Sự linh nghiệm của giáng bút thần linh qua kiểm chứng của một số học giả như Nguyễn Văn Huyền, Đào Duy Anh thì mới chỉ là ghi nhận ở mức đánh giá hiện tượng, còn đọng lại nhiều bí ẩn chưa thể lí giải khẳng định.

Dự báo thông qua giáng bút dưới hình thức tâm linh có tính xã hội tích cực vì nội dung của các bài thơ giáng bút là lời răn dạy, cảnh báo để người nghe phải dè chừng về tương lai mà sửa mình. Trong *Tiên giáng bút vạch chuyện giấu gấm* kể chuyện người anh cả tham lam chiếm hết gia sản của bố mẹ để lại, một hôm bên hàng xóm làm lễ cầu đảo, gặp khi Bồng Lai Thiên Tiên hạ giáng đàn tế, người anh cả cũng ngồi đấy, bèn cúi lạy xin hỏi xem việc gia đình có được yên ổn hay không. Thiên Tiên giáng bút ban cho bài thơ rằng: *Núi thăm trời cao mây trắng bay/ Nhận lượn về nam tựa lạc bầy/ Gấm vóc ngọc ngà hòm riêng cất/ Tình anh em thế hỏi chi đây*. Cả Tuyền xem thơ xong mặt thất sắc, tự thấy hổ thẹn trong lòng. Về nhà cho gọi các em trở về, một lòng thành thực thương yêu, khuyên bảo, trợ cấp tiền giấy bút, tự lòng hối hận lỗi lầm ngày xưa [10, tr. 883]. Nhờ được thánh chỉ dạy mà người anh cả đã thực lòng hối cải, đối xử tốt với các em và sau này có kết cục tốt đẹp. Còn trong *Lòng thành giữ được lái thuyền* kể chuyện Phùng Cát Khánh thường xuyên đi biển ra Bắc Thành buôn bán. Vào khoảng năm Tự Đức, dân Nho Lâm huyện Kim Động làm lễ cầu Lý Tiên tổ sư giáng bút. Cát Khánh cũng đến tận nơi bái yết và xin hỏi chuyện đi thuyền lần này trở về lành dữ thế nào, được tiên phê cho bài thơ rằng: *Gió cuốn mưa tuôn sóng vang lừng/ vùng vẫy giao long giận bừng bưng/ chiếc buồm luồn lách dò vượt biển/ ngoảnh lại mới tin giẫm đất bằng*. Còn viết thêm: *vững bước trên đường tự mình hay/ Chớ quán ai đại với ai ngậy/ cửa miêng may nhờ còn phúc địa/ trên trời có đấng giúp một tay*. Xem thơ biết chuyện đi

thuật nhưng khác ma thuật ở chỗ nếu ma thuật quan niệm tự bản thân người làm ma thuật có một sức mạnh siêu linh thì saman cho mình là người môi giới, là hình bóng của siêu linh

này tất sẽ gặp sóng gió hiểm nguy bèn hỏi ngày nào nhỏ neo thì lành thì được trả lời rằng: *Ngày nào cũng lành, ngày nào cũng chẳng lành. Với ngày lành thì sẽ tự nhiên lành, với người chẳng lành thì tự nhiên chẳng lành.* Chuyện đi ấy có 22 chiếc thuyền bị lật chìm xuống biển mất 18 chiếc. Riêng thuyền của Cát Khánh vượt qua nguy hiểm mà bình yên trở về. Có được kết cục như vậy là nhờ ông “*tính tình điềm đạm, ngay thẳng, khoan dung, công bằng*” [10, tr. 928]. Câu chuyện ngoài ý nghĩa khuyên răn con người làm điều thiện thì sẽ được thiên báo, quỷ thần che chở còn cho người đọc thấy một mặt của văn hoá xưa. Trước lúc quyết định việc gì, hay đi xa làm ăn người xưa thường muốn dò biết tương lai, và một trong những hình thức xem dự báo là hình thức lên đồng giáng bút. Những lời thơ trong giáng bút thường mang tính khuyến thiện trừ ác, hướng con người đến những giá trị nhân sinh tốt đẹp.

Dự báo và giải quyết vấn đề qua các thanh đồng, nghi lễ hầu đồng

Trong một số phương thức dự báo khác như chiêm mộng thì thần linh có thể xuất hiện đối thoại với đối tượng có lời khẩn cầu muốn biết trước tương lai nhưng ở đây, thần linh không hiện thân trực tiếp với dáng vẻ thực của mình mà mượn xác của phàm nhân, những người có cơ địa đặc biệt để phán truyền, dự báo. Các phàm nhân này là *Các thanh đồng*. Từ quan niệm cho rằng linh hồn những người đã mất cùng với thần linh mà quỷ luôn hiện hữu ở đâu đó rất gần với con người, vẫn theo dõi, lắng nghe và có khả năng tác động tới cuộc sống của người đang sống ở thế giới hiện thực nếu được cầu viện tới. Bởi vậy đã xuất hiện nhiều phương thức liên lạc giữa người sống và người chết (chẳng hạn như Hầu đồng của tín ngưỡng Mẫu) nhằm giải quyết nhu cầu đa dạng của con người khi họ cảm thấy bản thân và cộng đồng ở thế giới thực tại không đủ sức giải quyết. Họ cầu mong linh hồn người chết phù hộ cho mình sức khoẻ, bình an, gặp nhiều may mắn, và báo trước những vấn đề sắp tới của tương lai. Đôi khi lời cầu của những người bình thường không thể thấu đến được thần linh để giải quyết những việc khó khăn thì họ phải nhờ đến một lực lượng trung gian là các thanh đồng. Đối với các tín đồ của tín ngưỡng Mẫu thì mỗi người sinh ra đã thuộc sự cai quản của chư vị thần thánh và quân gia thị thần của thánh Mẫu, do đó họ có trách nhiệm thờ phụng, cúng tế vị Thánh ấy. Từ nhận thức đó, người Việt đã đến với tín ngưỡng Mẫu, đến với nghi lễ lên đồng hầu Thánh một mặt thể hiện niềm tin vào tín ngưỡng đó, mặt khác là sự gửi gắm ý nguyện của con người đến các vị Thánh. Trong trí tưởng tượng của người Việt, hầu đồng là hình thức họ có thể giao tiếp với thần linh, bằng sự cầu khẩn thành tâm của mình, họ đưa các vị Thánh từ thế giới vô hình đến thế giới trần gian thông qua chính bản thân họ (dùng thể xác cho các Thánh ngự). Trong *Đạo Mẫu Việt Nam* (Ngô Đức Thịnh) có sưu tập khá nhiều bài hát chầu văn lúc lên đồng nói đến hiện tượng này: *Bây giờ đệ tử kêu cầu/ Xin bà nghĩ lại trước sau thương đồng/ Bà lại hóa phép thần thông/ Tiếp lộc cho đồng cứu trợ bệnh nhân (Chầu đệ tam thoái phủ)* [705, tr.8]; *Ngự lên đồng cứu tử độ sinh/... Giá ngự lên cứu dân độ thế/ Nương uy trời sửa trí quân sinh/... Ra tay cải tử hoàn sinh/ Tà ma cũng phục yêu tinh tiếm tàng/ Giáng bản đàn trừ tà trị bệnh/ Phép anh linh hiển thánh cứu dân (Đệ Bát hoàng tử văn)* [8]. Trong văn xuôi tự sự trung đại có kể đến khá nhiều trường hợp các thanh đồng làm ghé cho thần thánh để phán truyền dự báo, lúc thánh ngự vào xác đồng để phán báo, dự báo thì có hiện tượng

người lão đảo, lác lư: “*Lúc này linh thân đang giáng vào cô đồng. Cô đồng lác lư phán bảo...*” (*Thượng Kinh kí sự*) [4].

Có nhiều trường hợp đặc biệt hơn là đôi lúc không phải con người *chủ động* tạo ra không khí, môi trường, thời điểm để mời thánh về ngự mà có nhiều trường hợp chính thánh thần, ma quỷ *tự động* về để giải quyết hay báo trước một vấn đề gì đó, những trường hợp này gọi là *Hiện tượng ớp đồng*. *Truyện thượng thư Vũ Công Đạo*, kể về chuyện người bị ớp đồng không phải là thanh đồng chuyên nghiệp ở các đền miếu mà là một bà lão bình thường: “*có một bà lão đang ngồi trong đám đồng tự nhiên đổ mặt bốc đồng nhảy ra ngoài nói rằng: ta là tiên nhân giáng hạ, khoa này đỗ bao nhiêu tiến sĩ ta đã biết cả rồi. Làng Mộ Trạch vẫn tinh đang vượng, đức Ngọc Hoàng đã tuyển sẵn nên mới sai ta đến báo cho các ngươi biết.... đến lúc yết bảng đúng như lời bà lão nói, những bậc thức giả đều cho là việc gì cũng có tiền định, mà việc yết bảng các tiến sĩ ở cửa thiên đình không phải là việc ngoa truyền*” [4, tr. 481, 482]. Trong truyện *Việc tại di* kể chuyện ông Nhữ Đình Toàn, tin thuật phong thủy, muốn dời chùa Phò Niền đi để chôn mã. Long thần *phải phụ vào miệng đồng nhân tranh biện* mãi với ông chùa mới khỏi phải dời đi [4, tr.113]. Còn trong truyện *Quan sang cõi âm*, kể về Đan Hồ cư sĩ, trong làng ông có vị *thần thiêng thường ứng vào người để nói chuyện*. Một hôm đang lúc thần ngự, ông đứng lẫn trong đám đồng người, chợt thần trông thấy, liền đứng dậy mời ngồi nói chuyện, thái độ rất là kính cẩn [4, tr. 745]. Cũng có nhiều trường hợp không phải thần mà ma nhập, ma sống chung trong nhà với người: Trong nhà có con ma rất thiêng; sắp có việc gì xấu hoặc tốt xảy ra, *ma đều ứng vào người mà báo trước*, dần dà nghiệm lại không điều gì sai (*Con buôn*) [4, tr. 857].

Dự báo thông qua lên đồng thánh (ma) nhập giúp lí giải nhiều vấn đề của cuộc sống như nguyên nhân của những chuyện bất tường (ốm đau, tai vạ...). Đọc truyện *Sông Độc (Tang thương ngẫu lục)*, chúng ta không chỉ phần nào hình dung được cách nhập đồng của các thầy phù thủy mà còn biết trong quan niệm xưa việc ốm đau của con người đôi khi là do vô ý xúc phạm đến thần linh: “*Trong tháng ấy, vị Quán Lĩnh Hầu Mỗ ở Kinh đô bị ốm nặng, thuốc thang cứu chữa mãi không công hiệu. Người nhà mời thầy phù thủy đến lập đàn thỉnh tướng. Tướng bốc đồng lên nói rằng: “Hầu ốm không có gì khác, chỉ tại tên Mỗ giết con thần sông mà nên. Kịp báo nó đến đền chịu tội, nếu để thần sông quá giận, thì bệnh sẽ không thể khỏi được”* [5, tr.217]. Khi gặp chuyện lăng miếu nơi thờ cúng người đã khuất (nhất là của hoàng gia) thì hay có sự ứng cảm cao, thái độ của người đã khuất thể hiện qua các điềm báo là tương lai của con cháu sau này: trong nhà tẩm miếu trên lăng Thịnh-phúc, tự dung bao nhiêu đồ thờ bằng gỗ, bằng vàng hễ động tay vào là nát mủn như bùn. Viên giữ lăng miếu vội vàng gửi thư về kinh trình rõ việc biến. Để biết người đã khuất muốn truyền báo điều gì, Thái phi cho đòi cô đồng vào hỏi thì được biết vì Chúa thượng (Trịnh Tông) đã làm trái ý tiên vương, phạm tội bất hiếu có hai điều: Chúa vừa lên ngôi, đã ngờ Đặng thị làm bùa yểm trong tử cung, rồi tự ý cạy mở tử cung, thay đổi quần áo khâm liệm, khiến cho xương ngọc không yên. Hơn nữa, Đặng thị là người mà tiên vương yêu dấu, bây giờ bị chúa làm cho tui nhục đủ đường, khiến vong linh tiên vương phải áy náy, tai biến sẽ còn nhiều nữa (*Hoàng Lê nhất thống chí*) [6].

Bằng cách nhập đồng có thể lí giải được bệnh tật tai ương, biết được tương lai vận số và cũng đưa ra các phương án giải quyết vấn đề. Cách đơn giản nhất là làm theo lời hướng dẫn, yêu cầu của thánh thần (ma) nhập đồng. Hoặc chủ yếu là bằng bùa phép và tàn hương nước thối. Trong ý nghĩa biểu tượng văn hóa thể giới: *“Bùa được xem như vật có hiển hiện hoặc tàng ẩn một sức mạnh thần diệu: nó thực hiện cái mà nó biểu trưng, một mối quan hệ đặc biệt giữa người mang nó với sức mạnh mà nó biểu thị. Nó cố định và tập trung mọi sức mạnh... hoạt động ở mọi phương diện vũ trụ... nó đặt con người vào trung tâm các sức mạnh ấy, làm tăng sinh lực của nó, làm cho nó trở nên ảnh hưởng hữu thực hơn... Tùy theo hình thức và hình ảnh mà chúng thể hiện, người ta cho rằng bùa có năng lực truyền cho chúng ta sức khỏe, trí khôn, sự tươi vui trong cuộc sống”* [1, tr. 109]. Để xin trừ tà chữa bệnh các tín đồ xin bùa thiêng: *Kẻ xin phép nhiệm, người cầu bùa thiêng/ Nén hương bát nước khẩn nguyện/ Lễ kêu cô Chín dâng lên Thánh Tòa/ Tàn hương nước thối ban ra/ Uống vào đỡ bệnh cả nhà bình yên (Cô Chín vắn)* [8, tr. 750]. Bên cạnh bùa thì nước: *Cô về trặc giáng điện tòa/ Đem nước chín giếng ban cho mọi người/ Lòng trần đã rửa sạch rồi/ Tu nhân tích đức muôn đời hiển vinh (Cô Chín Giếng)* hoặc tàn nhang nước thối của thánh cũng được xem là thuốc trị bách bệnh: *Thuốc bà ba vị thần tiên/ Giấy trắng, nước thối, tàn hương lại lành (Châu Quế Vắn)* [8, tr. 652]. Đặc biệt trong dòng Thánh liên quan đến Trần triều thì có cách chữa bệnh lạ hơn là xin dầu thánh và đôi gươm thánh. Gươm có ý nghĩa trong việc biểu hiện sức mạnh và trừ tà ma: *“là công cụ chân lí hành động... là biểu tượng sức mạnh sáng suốt của tinh thần, dám cắt đứt vấn đề ở điểm xung yếu của nó: sự mù quáng kiêu căng và những sự đề cao giá trị sai lạc, mâu thuẫn và đối nghịch. Thanh gươm là biểu tượng của quyền lực có thể cho được sống hoặc bắt phải chết... biểu trưng cho sức mạnh thái dương”* [1, tr. 369] vì thế các con nhang đệ tử: *Người xin dầu cửa đền sân miếu/ Kẻ ra vào lĩnh chiếu đôi gươm/ Đem về tu thiết tinh đường/ Đêm ngày vọng bái đền hương khẩn cầu/ Đặng sống lâu bách niên trường thọ/ Lợi lộc tài đôi chữ kiêm thu (Văn thờ nhị vị công chúa)* [8, tr. 659]. Trong truyện *Thần hồ Động Đình*, phu nhân của ông Hoàng Bình Chính mắc bệnh lúc tăng lúc giảm bắt thường hình như bị ma ám... mới sai người đến Vạn Kiếp cầu đảo ở đền Hưng Đạo Vương², *đổi lấy cái chiếu thờ trong đền đem về trải giường* cho phu nhân nằm thì thấy bệnh hơi bớt. Nhưng sau lại vẫn như cũ. Người mỹ nhân hiện về trong mộng ông Hoàng Bình Chính bảo: *Thiếp không phải là loài yêu ma, Hưng Đạo Vương làm gì được thiếp, thiếp hơi bớt như thế là nể cái thể diện nhà vương đó thôi* [4, tr. 135]. Như vậy, trong quan niệm xưa để bớt bệnh (nhất là bệnh phụ nữ) người ta có thể tiến hành một số cách thức, trong đó có thể đến cầu đảo ở đền Hưng Đạo Vương, xin dầu ấn, xin đôi chiếu trong đền về nằm hoặc xin tàn hương nước thối. Bằng cách nhập đồng, thân linh có thể giúp người nhân gian trừ yêu tà, trong

² Đức Thánh Trần, là một vị thánh trong tứ phủ, thậm chí được đồng nhất với vua Cha trong sự đối sánh với Thánh Mẫu (Tháng Tam giỗ Cha, tháng ba giỗ Mẹ), với tư cách một vị tướng, một đạo sĩ của Đạo giáo, vốn gốc dòng họ gắn liền với miền sông nước hạ lưu, lại lập những chiến công thủy chiến vang dội; ông dễ dàng được dân gian khoác thêm chiếc áo thần linh, quy về dòng Long Vương, được thờ phụng cùng với Bát Hải Đại Vương, vị thần chuyên coi vùng sông nước, biển cả. Trong lịch sử ông là nhân vật có thật, nguồn gốc rõ ràng, là nhân thần nhưng tâm thức dân gian ngài lại có nguồn gốc thần thánh, được lệnh xuống trần để thực hiện nhiệm vụ cứu nước cứu dân.

Truyện tinh chuột (Thánh Tông di thảo), khi tinh chuột hóa thành người chồng già, để tìm ra người thật, mọi người đã thấp hương khấn Đông Thiên Vương, hơi hương bốc lên, Thiên Vương nhập vào con đồng bảo: “Ma này là giống tinh chuột đấy. Chuột già lâu năm ăn nhiều tinh khí của các vật, thành giống quỷ quái này. Lửa không hại được, phù chú không trừ được. Thứ ma này thay hình đổi dạng trăm vẻ, biến hóa giỏi nhất xưa nay... tôi thử dùng kiếm khí trừ con ma ấy cho bệ hạ. Bèn lấy hươngthur phù vào hai đạo bùa, sai dân vào sau lưng hai người ấy. Dầu ma muốn chạy thoát cũng không được nữa.” [5, tr.614]. Trong tác phẩm *Không tin thần quái*, tác giả chỉ ra thói tục lúc bấy giờ là: ta thấy thói tục hủ lậu, hễ dân chúng có ai bị chút nạn nhỏ, khi hỏi đến thì đều nói: “thành hoàng ở ngoài, xin mời thầy phù thủy lên đồng mà triệu về”. Cách làm là lấy một gậy tre dài chôn xuống đất, sâu độ 3, 4 thước. Dưới đất ghim cọc chéo cho chắc. Thầy phù thủy vẽ bùa niệm chú còn người ngồi đồng thì nắm lấy cây gậy mà lắc lư làm cho nó lung lay, rồi nhổ lên mặt đất mà nói: “thần ứng” [5, tr. 335, 336]. Tuy tác giả chê thói tục hủ lậu nhưng mặt khác những ghi chép dẫn chứng đã cung cấp cho chúng ta những ví dụ sinh động về văn hoá lúc bấy giờ, nhất là cách giải quyết khó khăn, vấn đề dự báo qua thánh nhập lên đồng. Lê Hữu Trác trong *Thượng Kinh kí sự* ghi lại nhật kí việc lên đường vào kinh chữa bệnh cho Trịnh Cán cũng kể lại một sự kiện liên quan: “Chiều tối tôi trạm xã Kim Khê (Quán Mi), quan văn thư cho sửa lễ vật cúng ở đền xã này, và bày ra một tiệc hát mời tôi đến dự. Lúc này linh thần đang giáng vào cô đồng. Cô đồng lắc lư phán bảo... Có người nói với tôi rằng: Thánh Mẫu rất linh thiêng, báo ứng không sai điều gì bao giờ. Chuyến này cụ lên Kinh, nếu có cần xin gì thì tới mà cầu” [4, tr. 663]. Như thế, trong các tiệc hát sau lễ cúng ngày xưa, ở một số nơi người ta sẽ tổ chức buổi lễ hầu đồng để lắng nghe lời phán truyền thần linh. Ở đây, cụ Lê Hữu Trác đã được dự một buổi lên đồng và được hỏi xem có cầu xin gì không vì Mẫu rất linh nghiệm nhưng cụ đã từ chối vì không mong muốn điều gì.

Lên đồng thánh nhập thường dự báo sự kiện, tương lại, vận số: trong truyện *Tướng quân Đoàn Thượng*, một hôm người coi miếu *bổng ngã lăn ra đất* lúc lâu, rồi vùng dậy ngồi lên ghé cao, gọi kỳ cụ trong làng ra báo: Ngày mai phải quét dọn sạch sẽ, có đức vua đến thăm cảnh. Người nào mặc áo đen và đi chân không là đúng đấy, phải chờ đón. Quả nhiên hôm sau có Điều Ngự Đại sĩ nguyên là vua Trần Nhân Tông đến [5, tr. 187, 188]. Như vậy trong trường hợp này, người coi miếu chính là thanh đồng, Đoàn Thượng tướng quân đã nhập vào thanh đồng để báo trước sự kiện thiên tử đến thăm. Trong truyện *Tà bắt can chính*, Ông Bùi Tự Khánh lúc du học ở Trường An, hàng xóm có người thờ phụng tiên chúa hết sức kính cẩn. Người ở kinh đô tới cầu cúng thường có ứng nghiệm, riêng ông coi khinh việc đó. Một hôm ông thấy người hàng xóm đang *lên đồng giáng bút*, ông liền khoét vách mà đá chỗ vào đầu người ấy. Người hàng xóm giận lắm, nói: Nó không có đức hạnh của kẻ sĩ, tao lấy chiếc đinh đóng vào dương vật thì nó ắt hẳn phải chết. Người ngồi đồng nói: nó tuy vô lễ, nhưng cố gắng lập sự nghiệp, tiền đồ của nó xa rộng lắm. Từ nay về sau cần phải khéo giữ gìn, chớ có can phạm vào việc chê trách âm dương. Người ngồi đồng nhờ năng lực đặc biệt hoặc do được Thánh báo đã biết trước tiền đồ của ông Bùi Tự Khánh nên đã báo trước vận số, đồng thời tha lỗi cho việc làm lỗi phép. Quả nhiên đúng như lời phán, năm Ất Mùi 1715, Sĩ Tiêm đi

thi tiến sĩ, vào thi đình đỗ Hoàng Giáp [5, tr.367, 368]. Đền, chùa, miếu mạo là nơi phản chiếu thế giới thần thánh “*đền miếu như thế những phiên bản trên thế gian của các mẫu gốc trên trời*” [1, tr. 298], đền miếu là hình ảnh biểu tượng của thiên nhiên, vũ trụ với những sức mạnh bí ẩn, đền thờ nguyên thủy có nghĩa là khu vực mà thầy bói chuyên giải các thiên triệu, trong đó có giấc mơ. Đền là không gian thiêng, nơi mà thần linh hiện diện trong thực tại vì thế đây là địa điểm để tạo ra sự giao kết, mối liên hệ với thần linh. Vậy nên đây là không gian được lựa chọn để cầu mộng. Cầu mộng là việc cầu mong các thế lực siêu nhiên hiển linh trong giấc ngủ để phán bảo những điều quan tâm, hoặc quyết định những việc lớn. Người ta cầu mộng bằng cách đến không gian thiêng như đền, chùa, làm lễ bái trước khi đi ngủ và suy nghĩ, liên tưởng, chú tâm cầu khẩn thần thánh báo cho mình gặp mộng lành, tránh mộng dữ. Vì thế, trong chuyện *Đền Trấn Võ*, Quan Thượng Mỗ thấy đức Từ Đồng Đế Quân giáng bút nói rằng: An Nam là nước văn hiến, ta sẽ lấy những ngày 1 tháng 6 ứng mộng cho các học trò. Gặp năm có khoa thi Hội, sĩ tử bốn phương nhiều người tắm gội ăn chay sạch sẽ, đến đền cầu mộng, báo ứng rất nghiêm [5, tr. 245].

Lên đồng trong dòng chảy vận động biến đổi của các phương thức dự báo (CPTDB) qua các giai đoạn văn học và sự lí giải

Chúng ta biết rằng, văn học trung đại Việt Nam chia làm bốn thời kỳ phát triển chính và tương ứng với mỗi giai đoạn văn học trên là các tác phẩm văn xuôi tự sự trung đại tiêu biểu: giai đoạn 1 (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV), giai đoạn 2 (Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII), giai đoạn 3 (đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX), giai đoạn 4 (nửa cuối thế kỉ XIX). Giai đoạn 1, phương thức dự báo tiêu biểu nhất có số lần xuất hiện nhiều nhất là dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên. Điều này hoàn toàn dễ lí giải vì giai đoạn 1, văn học chịu ảnh hưởng của văn học dân gian và mang tính chất chức năng tôn giáo. Để khẳng định, ngợi ca sức mạnh, vẻ đẹp, sức ảnh hưởng, sự hiển linh của các thánh thần được kể đến trong tác phẩm văn học, một trong những nội dung và kĩ thuật viết văn được các tác giả khai thác là dự báo. Vấn đề đặt ra vì sao phương thức dự báo là mộng được gặp nhiều nhất? Trong tâm thức tiếp nhận, mộng có lẽ là phương thức dễ được tiếp nhận nhất đối với các tầng lớp người trong xã hội. Thêm nữa, trong loại truyện viết về thần thánh thì phần thứ 3, viết về cái chết và sự hiển linh của họ bao giờ cũng gắn với chi tiết họ thường xuất hiện trong giấc mộng của các đấng tướng lĩnh, quân vương để phù trợ như là một điều không thể thiếu để chứng minh cho sự bất tử của các bậc anh linh. *Việt điện u linh tập* viết về những con người thật, lúc sống có công lao với nhân dân, dân tộc, lúc chết đi họ lại hiển linh âm phù để bảo quốc, lợi dân vì thế trong phần đầu, khi giới thiệu về xuất thân, tướng mạo của họ, tác giả thường khai thác yếu tố dự báo thông qua tướng mạo để cho người đọc thấy được họ không phải người bình thường mà chắc chắn sẽ làm nên những điều vĩ đại, phi thường (Phùng Hưng, Bà Triệu, Lý Ông Trọng...). Giai đoạn 2: CPTDB xuất hiện đa dạng hơn, ngoài dấu ấn của mộng vẫn tiếp tục được khẳng định thì có sự xuất hiện đột phá của phương thức tiên tri và rải rác một số kiểu loại dự báo khác như điềm báo, tướng số, xem quẻ Dịch... So với giai đoạn 1 thì giai đoạn này CPTDB xuất hiện phong phú về kiểu loại hơn, đặc biệt có sự xuất hiện lớn của phương thức tiên tri bên cạnh mộng và các phương thức phân tích

để có dự báo. Điều này không chỉ thể hiện một bước trong tư duy con người trung đại là đi từ việc chờ đợi dấu hiệu từ trời, thần tiên đến việc quan sát, phân tích mà còn phản ánh một đặc điểm của văn học giai đoạn này là đã có dấu hiệu thoát ra khỏi chức năng nghi lễ tâm linh để bắt đầu phản ánh hiện thực cuộc sống. Giai đoạn 3: Có sự nở rộ của CPTDB cả về số lượng lẫn hình thức dự báo, có những tập truyện tiêu biểu như *Công dư tiếp kí*, hầu hết tác phẩm trong đó, tác giả cũng sử dụng yếu tố dự báo, thậm chí dùng dự báo, hoặc liên quan đến dự báo đặt luôn tên cho tập truyện hoặc nhóm truyện trong tập: *Âm phần dương trạch* (Viết về mồ mã, chỗ ở của các nhân vật nổi danh) (*Công dư tiếp kí*), *Mộng kí, phụ tạp kí* (viết về các giấc mộng liên quan đến thi cử đỗ đạt của các triều sĩ) (*Công dư tiếp kí tục biên*)... Phương thức dự báo xuất hiện chiếm vị trí trung tâm trong giai đoạn này là phong thủy và mộng. Giai đoạn văn học này xuất hiện trong khoảng thời gian từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX, giai đoạn lịch sử có nhiều biến động, chiến tranh, sự thay đổi triều đại... Con người đứng trước những biến động dữ dội của thời đại, không biết tương lai số phận ngày mai như thế nào. Vì thế, người ta rất cần dự báo, nhờ dự báo như một liều thuốc tâm lí để vượt qua hoàn cảnh. Tâm thức này được phản ánh rất rõ trong văn học. Để chấp nhận, hoặc lí giải hiện thực, con người tin vào định mệnh chi phối. Giai đoạn 4: CPTDB được sử dụng tương đối thưa hơn so với những giai đoạn trước. Phương thức dự báo chủ yếu được các nhà văn sử dụng là mộng (gặp thần tiên trong mộng) và lên đồng. Bên cạnh đó, xuất hiện rải rác các trường CPTDB khác. Các nhà văn trung đại giai đoạn này tiến dần đến văn học hiện đại. Tâm thức thiên về duy lí hơn duy tâm của các nhà văn giai đoạn này thể hiện rõ trong việc sử dụng ít hơn CPTDB.

Như vậy, vấn đề dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên được các nhà văn ở cả bốn giai đoạn văn học trung đại sử dụng, nhưng trường hợp lên đồng thì xuất hiện tập trung vào hai giai đoạn sau cùng. Điều này không phải là một sự ngẫu nhiên mà nó có nguyên nhân từ đời sống văn hoá và văn học. Về mặt văn hoá mà xét thì đây là thời kì suy tàn của Nho giáo nên các nguồn dòng tín ngưỡng dân gian bản địa như tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và con người, tín ngưỡng thờ Mẫu có dịp được bùng lên ảnh hưởng mãnh liệt đến đời sống đương thời. Nếu các vua Lý – Trần sùng cả Phật – Nho – Đạo và rất khoan nhượng với tín ngưỡng đa thần dân gian, văn hóa dân gian thì ngược lại đến thế kỷ XVI các vua Lê mô phỏng triều Minh xây dựng một nền quân chủ - nho giáo độc tôn, chuyên chế. Tác giả Việt Nam Phật giáo sử luận hạ lời bình: “*Nhà Lê thắng Minh về quân sự nhưng lại thất bại với Minh về văn hóa*”. Đời vua Lê Thánh Tông thì độc tôn Nho giáo được đề cao trên mọi phương diện: nhã nhạc, phẩm phục, tang lễ... đều theo Trung Hoa; cấm điệu hát dân gian “Lý Liên” (Rí Ren); mở rộng Văn miếu – Quốc Tử Giám (1483), định lệ tế Khổng Tử (tế Đỉnh) Xuân Thu nhị kỳ ở các phủ huyện (1472); ra lệnh cấm dân làm mới chùa Phật, đạo quán, cấm các người làm nghề bói toán, đồng cốt cùng Thiền sư, Đạo sĩ toàn quốc từ nay về sau không được giao thiệp, chuyện trò với người trong cung đình. Tinh thần khai phóng, cởi mở, “Tam giáo tịnh hành” của nhà Lý, nhà Trần đã biến mất, chỉ còn lại sự độc chuyên tư tưởng Nho – Tống để độc quyền quân chủ. Thế “lưỡng phân văn hóa” (Dualisme culturel) giữa cung đình và dân gian dần dà sâu sắc. Chính sự hà khắc và độc tôn Nho

giáo đó đã dẫn đến sự phản ứng ngược, mà một trong những sự phản ứng gay gắt nhất là đề cao phụ nữ gắn với Tục thờ Mẫu, thờ Nữ thần phát triển. Đỉnh cao nhất của thờ Mẫu ở Đại Việt là sự xuất hiện bà mẫu cao nhất của các bà mẫu, “*tối linh chi linh*”, “*thượng thượng thượng đẳng tối linh tôn thần*” là Mẫu Liễu Hạnh. Mặc dù được các triều vua ghi nhận sức mạnh và uy tín của tín ngưỡng thờ Mẫu (sắc phong thần cho Thánh Mẫu Liễu Hạnh...) nhưng Đạo Mẫu chính thức trở thành quốc đạo là gắn với sự kiện năm 1885, vua Đồng Khánh sau khi lên ngôi đã cho tu sửa lại điện Hòn Chén và... xưng thần dưới trướng của Thiên Y A Na. Đây là một sự kiện chưa bao giờ có trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam, bởi lâu nay, chỉ có vua - người đứng trên bách thần để phong thần chứ chưa hề có ai đi “hạ mình” để xưng thần. Hành động xâm lược của thực dân Pháp đã làm phá vỡ ý thức hệ Nho giáo của triều đình Nguyễn, một lần nữa đẩy đất nước ta vào những bi kịch xã hội hết sức nặng nề, đời sống của dân chúng trở nên khốn cùng hơn bao giờ hết. Tình hình này, ở một mức độ nào đó cũng đã tạo điều kiện cho Đạo giáo phát triển và tục thờ Mẫu từ đó cũng được xem là cứu cánh tốt nhất cho không chỉ một số hoàng thân quốc thích mà còn cả tầng lớp quan lại, binh sĩ và kể cả người dân lao động nghèo khó. Tất cả đều trong tâm trạng cần được che chở, cứu rỗi và con người tìm đến Mẫu lúc này để gửi gắm niềm tin của mình trước sự nguy hiểm bấp bênh giữa cuộc sống và cái chết, giữa cái được và cái mất... Một trong những biểu hiện của đời sống văn hoá ấy được khúc chiếu vào văn học được thể hiện qua việc nhà văn xây dựng nên những motif dự báo liên quan đến việc nhập đồng, lên đồng.

3. KẾT LUẬN

Trong ba nhóm phương thức dự báo tương lai thì nhóm dự báo thông qua sự tiếp xúc với thế giới siêu nhiên có nguồn gốc xa xưa lâu đời nhất, có từ thời nguyên thủy. Con người với ước muốn biết được tương lai vận số, trừ diệt tai họa trong đời sống đã nghĩ ra cách thông giao với thần linh thông qua một số biện pháp mang tính ma thuật, mà tiêu biểu là lên đồng. Hiện tượng này là một trong những biểu hiện đặc trưng của tôn giáo bản địa (nội đạo) trước khi có ảnh hưởng du nhập của các tôn giáo, triết học bên ngoài. Sự xuất hiện nở rộ của dự báo thông qua lên đồng trong văn xuôi tự sự trung đại giai đoạn 3, 4 (thế kỉ XVIII-XIX) xuất phát từ những nguyên nhân văn hoá và văn học. Các tác giả trung đại đã sử dụng hiện tượng này như một thủ pháp đặc lược, đó là kĩ thuật phục bút để báo trước vận số nhân vật, dùng cái kỳ ảo, yếu tố huyền hoặc để phản ánh hiện thực và quan niệm nhân sinh. Trong đó nổi bật lên là sự đề cao đạo đức: trung, hiếu, tiết, nghĩa và quan niệm con người và trời đất, vũ trụ có thể thông linh, cảm ứng, quỷ thần chi phối đến họa, phúc nhân gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jean Chevaliev, Alain Gheerborant (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng.
- [2] Lưu Bái Lâm (1994). *Phong thủy Quan niệm của người Trung Quốc về môi trường sống*, NXB Đà Nẵng.

- [3] Rosemary Ellen Guiley (2005). *Từ điển tôn giáo và các thể nghiệm siêu việt*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [4] Trần Nghĩa (1997). *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 1, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [5] Trần Nghĩa (1997). *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 2, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [6] Trần Nghĩa (1997). *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 3, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [7] Trần Nghĩa (1997). *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 4, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [8] Ngô Đức Thịnh (2010). *Đạo Mẫu Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Hữu Thông (2001). *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung*, NXB Thuận Hóa, Huế.
- [10] Nguyễn Xuân Diện, *Một trăm năm trước: thương nòi, thần tiên giáng bút*, <http://vietsciences.free.fr/vietnam/vanhua/phongtuc/100-thuongnoigiong.htm>

Title: FORESEEING PHENOMENON THROUGH “TRANCE” IN VIETNAMESE MIDDLE-AGE NARRATIVE PROSE

Abstract: In order to predict the future of the fate, human being had a number of ways to proceed, in which contacting with the supernatural world through “going into a trance” was one of the typical measures. This did not only occur in real life but also in literary works as a unique artistic method associated with the styling of the pen to tell the fate of characters. It was also through foreseeing mode “trance” that writers of the Middle Ages reflected contemporary cultural and realistic life as well as transmitted human morality thoughts, such as promoting morality, encouraging good and chastising evil. Moreover, the writers also expressed their awareness of the interaction between human and the supernatural world including heaven and earth, god and demon,...

Keywords: foresee, mediumship, psychic phenomena.